

## SỰ BIẾN ĐỔI CỦA TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

*Tóm tắt:* Sự tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã dẫn đến những biến đổi trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam trên nhiều phương diện khác nhau. Bài viết tập trung trình bày một số biến đổi của tôn giáo ở Việt Nam trên ba phương diện cơ bản là niềm tin, thực hành và cộng đồng. Trên phương diện niềm tin tôn giáo, sự biến đổi thể hiện rõ nhất ở sự chuyển đạo, cải đạo (hay cũng có thể gọi là sự chuyển đổi niềm tin tôn giáo); trên phương diện thực hành tôn giáo, sự biến đổi thể hiện trên các khía cạnh như tính chất, quy mô, mức độ, v.v...; trên phương diện cộng đồng, có sự xuất hiện của những cộng đồng tôn giáo mới, thể hiện rõ nhất ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Sự biến đổi của tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế cũng đặt ra một số vấn đề, trong đó có vấn đề giữ gìn, bảo tồn những giá trị của văn hóa truyền thống Việt Nam nói chung, của tôn giáo nói riêng.

*Từ khóa:* Biến đổi, hội nhập, quốc tế, tôn giáo, toàn cầu hóa.

### 1. Dẫn nhập

Hội nhập quốc tế là quá trình có tính tất yếu, khách quan, vừa là nhu cầu nội tại của các quốc gia. Cùng với toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mang lại những thời cơ, cơ hội phát triển cho các quốc gia tham gia hội nhập quốc tế. Nhưng bên cạnh đó, hội nhập quốc tế cũng mang đến những nguy cơ, thách thức. Chẳng hạn: nguy cơ bị xâm phạm đến độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền trên nhiều phương diện khác nhau; nguy cơ phai mờ bản sắc văn hóa, xói mòn các giá trị truyền thống, v.v... Hội nhập quốc tế mang đến một hệ quả tất yếu là sự biến đổi trên nhiều mặt của đời sống xã hội, trong đó có sự biến đổi của niềm tin tôn giáo mà bài viết mong muốn phác họa những nét cơ bản nhất.

Ở Việt Nam, quá trình hội nhập quốc tế đã bắt đầu khoảng hơn hai mươi năm trở lại đây. Cùng với quá trình đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế đã mang lại

---

\* TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

những đổi thay to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam. Trên lĩnh vực tôn giáo, sự tác động của hội nhập quốc tế đã dẫn đến những biến đổi của các tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam, biểu hiện ít nhất qua sự biến đổi của *niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo và cộng đồng tôn giáo*. Trong bài viết này, chúng tôi không trình bày thế nào là biến đổi tôn giáo (trên các phương diện như khái niệm, bản chất, nội dung, v.v...) mà chúng tôi chỉ tập trung trình bày những thay đổi, biến đổi của tôn giáo (qua ba biểu hiện nêu trên) do tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

## 2. Sự biến đổi của tôn giáo

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế thúc đẩy sự giao lưu giữa các nền văn hóa, các quốc gia, dân tộc với nhau. Trong bối cảnh đó, các tôn giáo, các hệ phái của các tôn giáo, các hiện tượng tôn giáo mới ở bên ngoài có điều kiện du nhập vào Việt Nam, tạo nên bức tranh đa dạng tôn giáo ở Việt Nam. Trong môi trường đa dạng tôn giáo, tất yếu dẫn đến sự cạnh tranh giữa các tôn giáo với nhau. Các tôn giáo một mặt phải cố gắng để củng cố niềm tin tôn giáo đối với các tín đồ của mình, mặt khác cũng tích cực mở rộng niềm tin tôn giáo đối với những người chưa phải tín đồ. Chính vì vậy, đã tạo nên sự biến đổi của niềm tin tôn giáo. Sự biến đổi của niềm tin tôn giáo không chỉ diễn ra ở một hay một nhóm tôn giáo nào mà diễn ra ở tất cả các tôn giáo, từ tôn giáo truyền thống, đến các tôn giáo nội sinh và tôn giáo ngoại sinh<sup>1</sup>. Một trong những *biểu hiện rõ nhất của sự biến đổi niềm tin tôn giáo đó là sự chuyển đạo, cải đạo*. Hiện tượng chuyển từ niềm tin đa thần sang niềm tin nhất thần, hay chuyển từ tôn giáo truyền thống sang Công giáo, Tin Lành là khá phổ biến ở Việt Nam hiện nay, nhất là ở các khu vực như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Cụ thể hơn, ở khu vực Tây Bắc, có hiện tượng khá phổ biến người Hmông, người Dao từ bỏ tôn giáo truyền thống để theo Tin Lành. Những dân tộc khác như Tày, Thái, Nùng, v.v... cũng có người theo Tin Lành nhưng số lượng không đáng kể. Ở khu vực Tây Nguyên, nhiều tộc người thiểu số tại chỗ từ bỏ tôn giáo truyền thống để theo Tin Lành. Hiện nay, Tây Nguyên có khoảng 440.000 tín đồ Tin Lành, chiếm gần 50% tổng số tín đồ Tin Lành của cả nước. Đáng lưu ý, trong số này có khoảng 90% là tín đồ các tộc người thiểu số và đa phần trong số này theo Tin Lành từ giai đoạn đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, thực tế đời sống tôn giáo cũng cho thấy có sự chuyển từ Công giáo sang Tin Lành, Phật giáo hoặc ngược lại. Ở khu vực Tây Nam Bộ, đã có sự chuyển đạo từ theo Phật giáo Nam tông Khmer sang

theo Tin Lành<sup>2</sup>. Cũng có hiện tượng chuyển từ tôn giáo truyền thống, từ Công giáo, Tin Lành, Phật giáo chuyển sang theo các hiện tượng tôn giáo mới như Tâm linh Hồ Chí Minh, Nhất Quán đạo, v.v...

Về mặt tính chất, mức độ của niềm tin tôn giáo, chúng tôi chưa có một cứ liệu đầy đủ nào để đưa ra một kết luận rằng, niềm tin tôn giáo sâu sắc hay kém sâu sắc trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc tăng nhanh số lượng tín đồ, cơ sở thờ tự, sự trở lại của nhiều loại hình tôn giáo truyền thống, sự tham gia đông đảo của các tín đồ trong các sinh hoạt tôn giáo chưa nói lên được điều đó. Để đưa ra kết luận niềm tin tôn giáo có sâu sắc hay không cần phải dựa vào rất nhiều yếu tố. Nhưng theo chúng tôi, sự chuyển đạo, đổi đạo đang diễn ra khá phổ biến trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam không làm biến mất một đặc điểm khá nổi bật trong niềm tin tôn giáo của người Việt Nam, đó là tính đa dạng, hay có học giả gọi là *tính hỗn dung* trong niềm tin tôn giáo của người Việt Nam. Điều đó khiến cho người Việt Nam cùng một lúc có thể tin vào nhiều vị thần khác nhau. Điều này đã được Đặng Nghiêm Vạn trình bày trong *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*. Tác giả đã nhận xét rằng: “Mỗi người Việt Nam tham gia nhiều hành vi tôn giáo khác nhau. Tín đồ mỗi tôn giáo chấp nhận trên diện thần tôn giáo của mình các vị thần các tôn giáo khác dễ dàng”<sup>3</sup>. Nói cách khác, người Việt Nam có niềm tin tôn giáo đa dạng, cùng một lúc có thể tin vào nhiều vị thần khác nhau, “họ dàn trải niềm tin vào nhiều vị, vị dưới con mắt của họ, tất cả đều như nhau; nếu như vị đó làm toại nguyện lời cầu xin, thỏa mãn được tâm linh tôn giáo của họ. Bởi vậy, có lúc họ tin “ma” hơn tin “bụt”, có khi lại tin “Phật”: hơn “thánh”...<sup>4</sup>. Việc chuyển từ một tôn giáo này sang một tôn giáo khác, nhất là từ niềm tin ở các tôn giáo truyền thống sang niềm tin của các tôn giáo nhất thần như Công giáo, Tin Lành... không có nghĩa là người ta “đoạn tuyệt” hoàn toàn với tôn giáo truyền thống, người ta vẫn có thể tham dự các hoạt động của tôn giáo truyền thống.

Người Việt Nam vốn có niềm tin đa thần, cùng một lúc có thể tin nhiều vị thần khác nhau, thì trong bối cảnh hội nhập quốc tế, do quá trình giao lưu, tiếp xúc của các tín ngưỡng, tôn giáo từ bên ngoài xâm nhập vào Việt Nam, rồi quá trình người dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, lao động... đã tiếp nhận thêm các tôn giáo mới, khiến cho niềm tin tôn giáo càng trở nên phong phú, đa dạng hơn. Điều này thể hiện trên các cấp độ: cá nhân, gia đình và cộng đồng. Chẳng hạn, có hiện tượng trong cùng một gia đình, mỗi một thành viên trong gia đình có các niềm tin tôn giáo khác nhau.

Một biểu hiện khác của sự biến đổi niềm tin tôn giáo dưới tác động của hội nhập quốc tế đó là *cơ cấu niềm tin tôn giáo, cơ chế hình thành niềm tin tôn giáo có sự thay đổi*. Hội nhập quốc tế, cùng với quá trình toàn cầu hóa, cách mạng thông tin bùng nổ đã dẫn đến nhiều tôn giáo du nhập vào Việt Nam, bằng cách này hay cách khác, chẳng hạn thông qua con đường du lịch, thông qua các lớp học, hội thảo hội nghị, thông qua các tài liệu, sách báo, cách kênh thông tin truyền thông, v.v... Đi cùng với đó, các tôn giáo lớn trên thế giới cũng mở rộng quá trình truyền bá, phát triển đạo. Nhiều phương thức truyền giáo mới được áp dụng nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới, cũng như để nâng cao tính cạnh tranh giữa các tôn giáo với nhau. Điều đó đã khiến cho sự tiếp nhận, sự hình thành niềm tin tôn giáo của người dân trở nên đa dạng hơn. Chẳng hạn, trước đây để tiếp nhận niềm tin tôn giáo, mọi người thường phải đến cơ sở thờ tự hoặc trực tiếp được các chức sắc tôn giáo, các nhà truyền giáo dẫn dắt. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, người ta tiếp nhận niềm tin tôn giáo hoàn toàn có thể thông qua các đài phát thanh, thông qua băng đĩa, thông qua sách báo, thậm chí thông qua các trang mạng. Thậm chí, trong mấy năm gần đây đã xuất hiện “Chùa Online”<sup>5</sup>.

Có lẽ chính vì vậy mà một trong những đặc điểm khá phổ biến của niềm tin tôn giáo ở người Việt Nam trước đây là “đa số người Việt Nam tin ở Phật, đi vào Phật với lễ nghi chứ chưa phải từ giáo lý Phật học” đã có sự thay đổi. Niềm tin tôn giáo của người Việt Nam không hoàn toàn mang tính cảm tính như trước đây, mà đã có tính chất lý tính. Hay nói chính xác hơn, *yếu tố lý tính trong niềm tin tôn giáo của người Việt Nam đã nhiều hơn trước*. Đặng Nghiêm Vạn cũng đã nhận xét: “các tín đồ không “ngoan ngoan” như xưa, đã ngờ vực những tín điều, đã thấy ủng hộ xu thế trở về với dân tộc, trở về nguồn”<sup>6</sup>. Nếu như trước đây, việc con người có được niềm tin tôn giáo nhiều là do yếu tố cảm tính, do tình cảm chi phối, nhưng trong bối cảnh hiện nay, nhất là sự phát triển của thông tin, truyền thông, của các sách báo, xuất bản phẩm tôn giáo khá phong phú mà người ta có được nhận thức tốt hơn, đầy đủ hơn, có sự lựa chọn kỹ hơn trước khi tiếp nhận niềm tin tôn giáo.

Bên cạnh sự biến đổi niềm tin tôn giáo như vừa trình bày ở trên, *các thực hành tôn giáo cũng có sự biến đổi*. Trước hết, dễ nhận thấy là sự biến đổi của các thực hành của tôn giáo truyền thống, nhất là của các tộc người thiểu số. Sự thay đổi đó diễn ra theo hai xu hướng có phần trái ngược nhau: xu hướng “đơn giản hóa” và xu hướng “phức tạp hóa”. Theo

nghiên cứu của Vương Duy Quang, một số hoạt động tôn giáo truyền thống rườm rà, thời gian kéo dài, tốn nhiều chi phí đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn. Chẳng hạn, trong tang ma của người Hmông, những thủ tục rườm rà trong nghi thức chia buồn và đáp lễ đã được lược bỏ rất nhiều, thay vì phải quỳ 3 lần, đáp lễ uống rượu 3 lần thì giờ đây đồng bào chỉ cần hành lễ và uống chút rượu tượng trưng. Ở nhiều vùng của người Dao, lễ cúng lớn nhất của đồng bào là cúng Bàn Vương cũng ít tổ chức hơn, nếu có làm thì lễ vật cũng đơn giản hơn, “lợn thần” không cần phải to như trước mà chỉ cần có đủ hai con theo quy định, chu trình làm lễ cũng được cắt ngắn hơn. Trái ngược với xu hướng nói trên, ở những vùng mà cuộc sống của đồng bào có điều kiện phát triển, đời sống kinh tế khá khá, lại xuất hiện nhu cầu tổ chức những nghi lễ truyền thống to hơn để khẳng định vai vế của mình trong cộng đồng. Đặc biệt, trong nhiều vùng của người Tày, Nùng, những năm đổi mới đã làm cho đời sống kinh tế của đồng bào khá lên rất nhiều, từ đó một số lễ hội với các nghi lễ tôn giáo truyền thống được hồi phục sau nhiều năm bị lãng quên, thậm chí trong thời bao cấp chính những nghi lễ này bị quy gắn với mê tín dị đoan. Đáng kể là sự phát triển trở lại của lễ cầu mưa ở dân tộc Nùng, lễ hội Long Tông ở nhiều làng bản của người Tày<sup>7</sup>, v.v...

Sự biến đổi của thực hành tôn giáo còn thể hiện ở chỗ *thay đổi hình thức, cách thức, quy mô, mức độ...* của thực hành tôn giáo. Như phần trên của bài viết đã đề cập, việc xuất hiện “chùa online” là một chỉ báo khá rõ cho thấy sự thay đổi của của thực hành tôn giáo dưới tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Như chúng ta đã biết, trước đây, để thể hiện niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo, người ta thường phải đến các cơ sở thờ tự như chùa, nhà thờ, đền, miếu, v.v... Khi đến các cơ sở tôn giáo, người ta trực tiếp tiến hành các thực hành tôn giáo, trực tiếp “tiếp xúc” với những đối tượng thiêng. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, cuộc sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa khiến cho nhiều người không có điều kiện đến các cơ sở tôn giáo để thực hành tôn giáo một cách trực tiếp, *mà thay vào đó là thực hành tôn giáo một cách gián tiếp*. Mai Thị Hạnh trong bài *Chùa online và vấn đề hiện đại hóa Phật giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại* cho rằng, “Có thể xem sự xuất hiện chùa online là một cách hiện đại hóa Phật giáo. Cụ thể, sự xuất hiện chùa online thể hiện sự hiện đại hóa Phật giáo ở cách thức đi lễ chùa, thực hành nghi lễ Phật giáo và hoằng dương Phật pháp”<sup>8</sup>. Việc thực hành tôn giáo một cách gián tiếp như việc đến chùa online có thay thế được cho việc đến cơ sở

tôn giáo ngoài đời hay không, hoặc thay thế được ở mức độ nào đó là vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu. Ở đây, chúng tôi chỉ có một vài ý kiến bước đầu đó là: sự xuất hiện của chùa online có lẽ giúp cho việc thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu giáo lý, kinh điển, cách thức tu trì, v.v... của Phật giáo nhiều hơn. Đồng thời, chùa online hướng dẫn người Phật tử hoặc những người có niềm tin tôn giáo cách thức, quy trình tu tập, đọc kinh, v.v... Chùa online khó có thể thay thế được các ngôi chùa hiện hữu bên ngoài các website về góc độ đối tượng thiêng. Mặt khác, việc thực hành tôn giáo theo cách truyền thống còn thể hiện tính cộng đồng rất cao, đó là một đặc điểm hết sức quan trọng của thực hành tôn giáo và điều này thì không thể có được ở chùa online.

Bên cạnh chùa online, những năm gần đây cũng xuất hiện *hiện tượng cúng giỗ online*. Có thể gọi đây là một dịch vụ tâm linh. Cũng là một hình thức, biểu hiện thực hành tôn giáo một cách gián tiếp. Do điều kiện địa lý, thời gian, v.v... một số người không thể trực tiếp đến mộ của ông bà, cha mẹ thắp hương vào những dịp ngày giỗ, ngày Tết, v.v... Họ thông qua các dịch vụ để làm lễ, thắp hương, chăm sóc cho mộ ông bà, cha mẹ mình theo yêu cầu.

Một đặc điểm chung cho cả niềm tin tôn giáo, thực hành của tôn giáo, nhất là tôn giáo truyền thống ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế là *bị lợi dụng, bị “nhuộm màu kinh tế”, mang tính thực dụng*. Nói như vậy không có nghĩa chúng tôi cho rằng, nguyên nhân của việc niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo bị nhuộm màu kinh tế chỉ do hội nhập quốc tế. Nói cách khác, hội nhập quốc tế chỉ là một trong những nguyên nhân dẫn đến đặc điểm trên. Nói rõ hơn, cụ thể hơn về việc niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo ở Việt Nam hiện nay bị “nhuộm màu kinh tế”, mang tính thực dụng, có thể là do việc lợi dụng niềm tin, lợi dụng thực hành tôn giáo để trục lợi thành một hiện tượng khá phổ biến. Các hiện tượng như bói toán, gọi hồn, cúng, đốt vàng mã, v.v... khá lan tràn trong đời sống tôn giáo của người dân hiện nay. Biểu hiện của việc niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo nhuộm màu kinh tế, mang tính thực dụng chính là việc xuất hiện các hiện tượng đánh nhau, tranh giành, tranh cướp các đồ lễ... ở các cơ sở thờ tự, ở các lễ hội mà báo chí đầu năm 2015 phản ánh rất nhiều. Niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo thực dụng nên mới có hiện tượng quá tải ở một số cơ sở thờ tự, một số lễ hội. Rất nhiều người tin rằng, để được phù hộ, không phải “lòng thành thắp một nén nhang” là đủ, mà phải có đầy đủ lễ vật, càng nhiều thì càng được phù hộ. Cũng

chính vì thế, cần phải “đưa tiền tận tay Phật” mới yên tâm, mới chắc rằng được Phật phù hộ. Một khía cạnh khác của việc niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo mang tính thực dụng đó là có những tín đồ chuyển đổi niềm tin tôn giáo chỉ vì nhu cầu vật chất. Thông qua một số cuộc khảo sát thực tế ở Tây Nguyên, chúng tôi thấy có hiện tượng tạm gọi là “tín đồ ếch”, tức là các tín đồ rất dễ dàng “nhảy” từ tôn giáo này sang tôn giáo khác, hệ phái (Tin Lành) này sang hệ phái khác, mà lý do chủ yếu là vật chất. Một trong những lý do của những người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cải theo Công giáo và Tin Lành là “thờ Giêsu đỡ tốn kém hơn”. Vậy, trong những trường hợp này, việc thủ đắc niềm tin tôn giáo không đơn thuần là “niềm tin với đối tượng thiêng”. Có thể nói, việc niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo mang tính thực dụng, nhuộm màu kinh tế như trình bày ở trên là những chỉ dấu cho thấy niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo *có sự tha hóa*.

Bên cạnh sự biến đổi của niềm tin, thực hành, các cộng đồng tôn giáo cũng có sự biến đổi trước tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Một biểu hiện dễ nhận thấy, đó là *tính tộc người và tính vùng miền*. Ở các tộc người thiểu số ở vùng núi có hiện tượng khá phổ biến là bỏ tôn giáo truyền thống để theo các tôn giáo khác, chẳng hạn như ở Tây Nguyên, Tây Bắc. Nhưng điều đó không xảy ra ở người Kinh ở khu vực đồng bằng, chẳng hạn như khu vực Đồng bằng Bắc Bộ. Ở khu vực này, và với người Kinh, tôn giáo truyền thống lại phát triển mạnh mẽ hơn trước. Như vậy, có thể thấy rõ sự khác biệt giữa khu vực miền núi và đồng bằng, giữa tộc người thiểu số và tộc người đa số (người Kinh) về niềm tin, thực hành tôn giáo truyền thống. Nếu như ở các tộc người thiểu số, những thực hành tôn giáo truyền thống có xu hướng giảm bớt, đơn giản hóa, v.v... thì với người Kinh ở đồng bằng lại ngược lại, các thực hành đó tăng về quy mô, phạm vi, mức độ, v.v...

### **3. Một số vấn đề đặt ra**

*Thứ nhất*, hội nhập quốc tế dẫn đến việc gia tăng các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, tiếp thu các giá trị văn hóa, tôn giáo làm phong phú thêm truyền thống văn hóa, tôn giáo Việt Nam. Nhưng bên cạnh đó, cũng cần phải tính tới việc giữ gìn, bảo tồn văn hóa truyền thống trước sự xâm lấn của các giá trị văn hóa bên ngoài không phù hợp. Thời gian vừa qua, báo chí đang phản ánh hiện tượng các linh thú có nguồn gốc nước ngoài, không phù hợp với giá trị truyền thống Việt Nam hiện diện ở hầu khắp các cơ sở tôn giáo, văn hóa, nhà ở, nơi công cộng, v.v... Thực trạng đó

khiến các nhà quản lý văn hóa đã phải đưa ra các biện pháp mạnh mẽ để giải quyết vấn đề này. Ngày 8/6/2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành công văn số 2662/BVHTTDL-MTNATL khuyến cáo không sử dụng và di dời biểu tượng, sản phẩm, linh thú không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam ra khỏi di tích, công sở, nơi công cộng. Đến nay, đã có nhiều tỉnh, thành phố, nhiều cơ sở tôn giáo thực hiện việc di dời các linh thú không phù hợp.

*Thứ hai*, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vấn đề niềm tin và thực hành tôn giáo không còn đóng khung trong một phạm vi nhỏ bé của làng, xã, khu vực... mà là vấn đề mang tính quốc tế. Do vậy, niềm tin và thực hành tôn giáo ấy cũng chịu sự tác động, chi phối của cộng đồng quốc tế. Câu chuyện *Lễ hội chém lợn* của làng Ném Thượng, Bắc Ninh là một ví dụ tiêu biểu cho câu chuyện này. Người dân làng Ném Thượng, Bắc Ninh đang đứng trước nguy cơ không được thực hiện nghi lễ chém lợn trước sức ép của dư luận trong nước, quốc tế.

*Thứ ba*, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, sự tăng cường giao lưu văn hóa, tôn giáo, sự gia tăng các hoạt động truyền bá, tiếp xúc, xâm nhập của các tôn giáo vào Việt Nam chắc chắn sẽ tạo nên môi trường đa dạng tôn giáo, đa dạng niềm tin. Tuy nhiên, sự đa dạng tôn giáo, đa dạng niềm tin tôn giáo bên cạnh những yếu tố tích cực, cũng có thể là nguyên nhân của những mâu thuẫn, xung đột. Đây là vấn đề cần phải tính đến trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay.

*Thứ tư*, như đã trình bày, trong bối cảnh hiện nay, niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo bị lợi dụng, trở thành một nguồn để kinh doanh, trục lợi, do đó, niềm tin, thực hành tôn giáo mang tính thực dụng, có sự tha hóa, do vậy cần phải quan tâm một cách nghiêm túc để khắc phục tình trạng này. Rất cần có những định hướng, những giải pháp để đưa niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo trở nên “thuần khiết” hơn.

### **Kết luận**

Từ những nội dung đã trình bày ở trên cho thấy, tôn giáo ở giai đoạn nào cũng luôn luôn chịu sự tác động của các điều kiện, bối cảnh lịch sử, xã hội. Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cùng với những yếu tố khác như sự phát triển của khoa học công nghệ, của lĩnh vực thông tin truyền thông đã khiến cho đời sống tôn giáo có nhiều sự biến đổi. Sự biến đổi của tôn giáo diễn ra trên tất cả các khía cạnh niềm tin, thực hành và cộng đồng cũng như trên các cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng. Sự



biến đổi của niềm tin tôn giáo không chỉ phản ánh xu hướng nhu cầu tôn giáo, mà còn phản ánh những đặc điểm của niềm tin xã hội. Có thể nói, niềm tin tôn giáo là một niềm tin khá sâu sắc so với các niềm tin xã hội khác, nhưng nó cũng có thể nhanh chóng biến đổi trong môi trường mới, điều kiện mới, nhất là dưới tác động của bối cảnh hội nhập quốc tế mà chúng tôi đề cập trong bài viết này.

Biến đổi tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế là một hiện tượng tất yếu của sự vận động, phát triển của lịch sử, xã hội. Sự biến đổi đó một mặt góp phần giúp các tôn giáo bổ sung, tiếp thu các giá trị mới, lọc bỏ những giá trị không còn phù hợp với bối cảnh mới, tăng thêm sức sống, sức cạnh tranh của các tôn giáo, nhưng mặt khác, nó có thể tạo nên những biến đổi xã hội khác, thậm chí có thể tạo nên sự phức tạp của xã hội, tạo nên những mâu thuẫn, xung đột xã hội. Chúng tôi đưa ra một sự so sánh (có thể là hơi “khập khễnh”) rằng, trong lĩnh vực kinh tế, nếu chúng ta không biết tận dụng được thời cơ, không có những chiến lược đúng đắn, rất có thể chúng ta sẽ trở thành bãi rác, thành công trường, công xưởng của thế giới, sẽ trở thành lệ thuộc trong quá trình hội nhập quốc tế. Còn trong lĩnh vực văn hóa nói chung, tôn giáo nói riêng cũng tương tự, nếu không có bộ “lọc” tốt, không có sự quan tâm đúng đắn, không có những chính sách phù hợp, chắc chắn chúng ta sẽ bị lai căng, mất bản sắc, trở thành lệ thuộc về mặt văn hóa. Rồi, rất có thể các công trình, cơ sở thờ tự của chúng ta tràn lan các linh thú, các biểu tượng, các hình ảnh, v.v... không phải của văn hóa Việt và chúng ta lại phải mất công “dọn dẹp” như việc làm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thời gian vừa qua. Đó là những điều rất đáng suy nghĩ./.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Trong bài viết này, chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát sự biến đổi của các tôn giáo nội sinh như Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, v.v... mà chủ yếu tập trung phân tích sự biến đổi của các tôn giáo truyền thống và các tôn giáo ngoại sinh ở Việt Nam dưới tác động của hội nhập quốc tế.
- 2 Xem: Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer ở Trà Vinh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.
- 3 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 134.
- 4 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1998), sđd: 135 - 136.
- 5 Xem: Mai Thị Hạnh (2014), “Chùa online và vấn đề hiện đại hóa Phật giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.

- 6 Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1998), sdd: 137.
- 7 Xem: Vương Duy Quang (2011), “Tin ngưỡng tôn giáo của các dân tộc thiểu số ở vùng núi phía Bắc Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
- 8 Mai Thị Hạnh (2014), bđd: 51.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Thị Hạnh (2014), “Chùa online và vấn đề hiện đại hóa Phật giáo trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
2. Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer ở Trà Vinh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.
3. Sakaya Trương Văn Món (2014), “Sự biến đổi văn hóa và tôn giáo của người Raglai ở Việt Nam hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.
4. Phạm Quỳnh Phương (2014), “Sự biến đổi tâm thức tôn giáo truyền thống của người Tây Nguyên hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
5. Vương Duy Quang (2011), “Tin ngưỡng tôn giáo của các dân tộc thiểu số ở vùng núi phía Bắc Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
6. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

#### Abstract

##### THE TRANSFORMATION OF RELIGIONS IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION

The impacts of globalization and international integration have led to the transformation of religious life in Vietnam in many dimensions. This text presents the transformation of religions in Vietnam on three aspects such as belief, practice and community. In the aspect of belief, the transformation shows the religious conversion (or change in faith); In the aspect of practice, the transformation shows the nature, scale, degree etc...; In the aspect of community, there is the appearance of new religious communities, especially in North-West, Center Highland, West-Cochinchin. The transformation of religions in Vietnam in the context of international integration raises some issues such as preservation and conservation of Vietnamese traditional culture's value in general and religions' value in particular.

**Keywords:** transformation, integration, international, religions, globalization.